

THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA GIỮA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC ASEAN GIAI ĐOẠN 2000-2014

TRADE IN GOODS BETWEEN VIETNAM AND ASEAN COUNTRIES FROM 2000 TO 2014

Ngô Thị Mỹ, Lê Thùy Linh

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

ngomy2008@gmail.com, thuylinhle91@gmail.com

Tóm tắt - ASEAN là thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa lớn và đầy tiềm năng của Việt Nam trong nhiều năm qua. Kết quả nghiên cứu cho thấy thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN đã có những bước tiến đáng kể. Tuy nhiên, đứng trước sự hình thành của cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) hoạt động thương mại nói chung và xuất nhập khẩu hàng hóa nói riêng của Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức. Từ việc sử dụng mô hình trọng lực đã chỉ ra một số yếu tố tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam như GDP nước đối tác, độ mở của nước đối tác và việc Việt Nam và đối tác có hay không chung đường biên giới. Trên cơ sở đó, bài viết gợi ý một số chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN trong thời gian tới.

Từ khóa - thương mại, hàng hóa, mô hình trọng lực, Việt Nam, ASEAN

Abstract - ASEAN has been a big and potential export market of Vietnam for many years. Research results show that trade between Vietnam and ASEAN countries has made remarkable progress. However, before the formation of the ASEAN Economic Community (AEC), commercial activities in general and goods export and import in particular of Vietnam will face up to a lot of difficulties and challenges. Using gravity model has shown some factors which positively affect export and import turnover of Vietnam such as GDP of partner countries, the opening of economy of partner countries and whether Vietnam and the partners share a border or not. On this basis, the research suggests some policies to promote commodity trade between Vietnam and other ASEAN countries in the future.

Key words - trade, goods, gravity model, Vietnam, ASEAN

1. Đặt vấn đề

Trong nhiều năm qua, quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Theo số liệu thống kê từ Ngân hàng Thế giới (Worldbank, 2016a), ASEAN là đối tác thương mại hàng hóa lớn của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 19,11 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 22,92 tỷ USD vào năm 2014. So với năm 2000, tốc độ tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào ASEAN tăng gần 6,3 lần so với năm 2000 trong khi tốc độ tăng trưởng về kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ ASEAN vào Việt Nam là 4,15 lần. Bên cạnh những kết quả đạt được, thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và các nước ASEAN vẫn tồn tại một số khó khăn về khả năng cạnh tranh cũng như những thách thức lớn từ việc thành lập cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015. Nhằm tận dụng những cơ hội và thế mạnh sẵn có để đẩy mạnh hơn nữa quan hệ thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN trong thời gian tới, bài viết ngoài việc làm rõ thực trạng còn đi sâu phân tích các yếu tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các nước ASEAN trong những năm qua.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nguồn số liệu được sử dụng để phân tích là số liệu hỗn hợp về các nước thuộc khu vực ASEAN trong giai đoạn 2000-2014. Số liệu về các biến sử dụng trong mô hình được thu thập từ các tổ chức có uy tín, cụ thể như sau (Bảng 01):

Bảng 01. Nguồn số liệu của các biến chính được sử dụng trong mô hình

Tên biến	Nguồn số liệu sử dụng
EXPORT (Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa)	World Bank, 2016a
IMPORT (Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa)	World Bank, 2016a
GDP (Tổng sản phẩm quốc nội)	World Bank, 2016b
OPEN (Độ mở của nền kinh tế)	Tính toán từ World Bank, 2016b
DIS (Khoảng cách về địa lý)	http: www.freemaptools.com

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

2.2. Phương pháp phân tích

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp hồi quy nhằm làm rõ thực trạng và đánh giá các yếu tố tác động đến thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN giai đoạn 2000-2014.

Để phân tích các yếu tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN, bài viết sử dụng mô hình trọng lực. Đây là mô hình được phát triển bởi Tinbergen (1962) và Linnemann (1966) dựa trên định luật trọng lực hấp dẫn. Cho đến nay, mô hình này được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực thương mại quốc tế với nhiều các nghiên cứu của các tác giả như Anderson (1979), Bergstrand (1985), Erdem và Nazlioglu (2008), Hatab và các cộng sự (2010),... Kế thừa các nghiên cứu trước đây, mô hình trọng lực trong bài viết này được phát triển cụ thể như sau:

- Mô hình trọng lực cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa

$$EXPORT_{ijt} = A \times GDP_{it}^{\beta_1} \times GDP_{jt}^{\beta_2} \times OPEN_{jt}^{\beta_3} \times DIS_{ij}^{\beta_4} \times e^{BOR_{ij}^{\beta_5} * LANDLOCK_j^{\beta_6} * u_{ijt}}$$

- Mô hình trọng lực cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa

$$IMPORT_{ijt} = A \times GDP_{it}^{\beta_1} \times GDP_{jt}^{\beta_2} \times OPEN_{jt}^{\beta_3} \times DIS_{ij}^{\beta_4} \times e^{BOR_{ij}^{\beta_5} * LANDLOCK_j^{\beta_6} * u_{ijt}}$$

Trong đó:

EXPORT_{ijt} và IMPORT_{ijt}: Kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với nước *j* trong năm *t*

A: Hệ số hấp dẫn, cản trở xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với nước *j*

GDP_{it} và GDP_{jt}: Lần lượt là GDP của Việt Nam và nước *j* tại năm *t*

OPEN_{jt}: Độ mở của nền kinh tế nước *j* tại năm *t*

Bảng 02. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các nước ASEAN giai đoạn 2000-2014

DVT: Tỷ USD

Năm	Brunei	Indonesia	Cambodia	Lào	Myanmar	Malaysia	Philippines	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
2000	2,17	62,12	1,39	0,05	1,19	98,23	38,08	137,81	68,82	14,48
2001	3,53	56,32	1,50	0,05	2,22	88,00	32,15	121,75	64,92	15,03
2002	2,69	57,16	1,92	0,05	2,45	94,06	35,21	125,18	68,11	16,71
2003	3,21	61,06	2,12	0,14	4,46	104,71	36,23	159,96	80,32	20,15
2004	5,06	71,58	2,80	0,11	1,99	126,64	39,68	198,63	96,25	26,49
2005	6,37	85,66	3,02	0,17	3,12	141,62	41,25	229,65	110,11	32,45
2006	7,62	100,80	3,57	0,40	3,51	160,67	47,41	271,81	130,58	39,83
2007	7,65	114,10	3,53	0,38	5,93	175,96	50,47	299,30	153,57	48,56
2008	10,27	137,02	4,36	0,83	6,62	198,70	49,08	338,18	175,91	62,69
2009	7,15	116,51	4,99	1,24	6,34	157,19	38,44	269,83	152,49	57,10
2010	8,62	157,78	5,59	2,43	7,60	198,79	51,50	351,87	195,31	72,24
2011	12,36	203,50	6,70	1,75	8,12	226,99	48,04	409,50	228,82	96,91
2012	13,00	190,03	7,84	2,66	9,31	227,45	52,00	408,39	229,51	114,53
2013	11,45	182,55	9,25	2,59	11,44	228,32	56,70	410,25	228,46	132,03
2014	10,51	176,04	10,45	4,86	12,57	234,13	61,81	409,77	227,32	150,22
TTBQ (%)	111,93	107,72	115,50	138,80	118,31	106,40	103,52	108,09	108,91	118,18

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ số liệu của Worldbank và Asean, 2016

Từ bảng 02 cho thấy kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các nước ASEAN đều tăng trong giai đoạn 2000-2014. Nước có kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cao nhất vào năm 2014 là Singapore với giá trị 409,77 tỷ USD, tiếp đến là Malaysia, Thái Lan, Indonesia và Việt Nam. Từ kết quả trên cho thấy, mặc dù những năm qua Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành tích đáng khích lệ trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa song khi so sánh với các nước trong cùng khu vực thì kết quả này vẫn còn rất khiêm tốn. Hiện tại, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu dựa trên khai thác các lợi thế về tự nhiên và nguồn nhân công rẻ như

DIS_{ij}: Khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước *j*
BOR_{ij}: Là biến giả, nhận giá trị 0 nếu Việt Nam và nước *j* không có chung đường biên giới; nhận giá trị 1 nếu Việt Nam và nước *j* có chung đường biên giới
LANDLOCK_j: Là biến giả, nhận giá trị 0 nếu nước *j* không giáp biển; nhận giá trị 1 nếu nước *j* giáp biển
β_i: là các hệ số hồi quy thể hiện mức độ tác động của yếu tố thứ *i* trong mô hình
u_{ijt}: Sai số ngẫu nhiên

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát tình hình xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của các nước ASEAN giai đoạn 2000-2014

➤ Về xuất khẩu hàng hóa

Giai đoạn 2000-2014, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ thì hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của các nước ASEAN với Thế giới cũng đạt được những thành công nhất định.

nông sản, các linh kiện điện tử, giày dép,... Trong tương lai, cùng với quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng thì đây sẽ không còn là hướng đi phù hợp cho hoạt động xuất khẩu của Việt Nam.

➤ Về nhập khẩu hàng hóa

Về cơ bản, hoạt động nhập khẩu hàng hóa của các nước ASEAN với thế giới cũng biến động theo xu hướng tương tự như hoạt động xuất khẩu. Ngoại trừ nước Lào, các nước khác đều có tốc độ tăng trưởng bình quân về kim ngạch nhập khẩu hàng hóa dao động trong khoảng trên dưới 10%/năm trong cả giai đoạn 2000-2014 (Bảng 03).

Bảng 03. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các nước ASEAN giai đoạn 2000-2014

ĐVT: Tỷ USD

Năm	Brunei	Indonesia	Cambodia	Lào	Myanmar	Malaysia	Philippines	Singapore	Thái Lan	Việt Nam
2000	1,07	33,22	1,44	0,07	2,22	81,29	37,01	134,55	61,18	15,64
2001	1,31	30,70	1,51	0,07	2,81	73,08	34,94	116,00	60,94	16,22
2002	1,60	31,06	1,67	0,07	2,12	78,67	41,09	116,44	63,69	19,75
2003	1,35	32,25	1,77	0,34	1,84	82,44	42,58	136,26	74,73	25,26
2004	1,51	46,33	2,06	0,50	1,93	104,25	46,10	173,58	93,32	31,97
2005	1,50	57,41	2,55	0,70	1,63	113,30	49,49	200,05	116,80	36,76
2006	1,49	60,66	2,99	0,59	2,12	131,13	54,08	238,71	127,13	44,89
2007	2,10	74,47	3,55	0,71	2,79	144,87	58,00	263,15	141,83	62,76
2008	2,51	129,22	4,42	1,80	3,79	155,66	60,42	319,78	176,44	80,71
2009	2,45	96,81	3,91	1,73	3,85	123,58	45,88	245,78	131,71	69,95
2010	2,38	135,54	4,90	2,08	4,20	164,47	58,47	310,79	180,11	84,84
2011	2,46	177,24	6,13	2,21	6,81	187,55	63,69	365,77	226,18	106,75
2012	3,57	191,53	7,06	3,50	9,19	196,14	65,35	379,72	245,29	113,78
2013	3,61	186,45	9,23	3,29	12,01	205,64	65,71	373,02	248,45	132,03
2014	3,60	178,00	11,19	5,96	13,98	208,71	67,72	366,25	225,66	147,84
TTBQ (%)	109,07	112,74	115,78	138,04	114,05	106,97	104,41	107,41	109,77	117,41

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ số liệu của Worldbank và Asean, 2016

Trong 10 nước ASEAN được nghiên cứu, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa lớn nhất trong nhiều năm thuộc về Singapore. Chỉ tính riêng năm 2014, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước này đạt 366,25 tỷ USD (tăng 172,2% so với năm 2000), cao hơn nước có kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đứng thứ hai trong khu vực - Thái Lan là 62,3%. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam cũng có sự tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Từ số liệu bảng 02, Việt Nam là nước có kim ngạch nhập khẩu đứng thứ 5 trong khu vực. Hiện tại, các mặt hàng mà Việt Nam

nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất trong nước như xăng dầu, máy móc, thiết bị, phụ tùng,...

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN giai đoạn 2000-2014

Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN được thể hiện qua bảng 04, như sau:

Bảng 04. Các yếu tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN

Biến độc lập	XUẤT KHẨU		NHẬP KHẨU	
	Hệ số hồi quy	Kiểm định t	Hệ số hồi quy	Kiểm định t
Hệ số chặn	-4,615	-5,92*	-7,867	-5,03*
$\ln GDP_{it}$	0,069	0,69	0,324	1,63
$\ln GDP_{jt}$	1,505	31,6*	1,652	17,29*
$\ln OPEN_{jt}$	0,475	5,65*	0,601	3,56*
$\ln DIS_{ij}$	-0,208	-1,00	-0,251	-0,6
$\ln BOR_{ij}$	2,008	17,42*	2,155	9,31*
$LANDLOCK_j$	-0,343	-6,85*	-0,721	-7,18*
Số quan sát	135		135	
R^2	0,927		0,819	
Giá trị F	271,85		96,45	

Ghi chú: *: Tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%.

Nguồn: Kết quả ước lượng sử dụng phần mềm Stata

Như vậy, mô hình trọng lực đã giải thích được 92,7% sự thay đổi của kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt

Nam và 81,9% sự thay đổi của kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam là do tác động của các biến đã đề xuất.

Mô hình hoàn toàn có ý nghĩa với giá trị F bằng 271,85 với hoạt động xuất khẩu hàng hóa và 96,45 với hoạt động nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN.

Với kết quả tổng hợp từ bảng 04 cho thấy:

Nếu như biến GDP của Việt Nam không thể hiện sự tác động đến 2 mô hình nghiên cứu (xuất khẩu và nhập khẩu) thì hệ số của biến GDP của nước j (GDP_{jt}) ở cả 2 mô hình đều mang dấu dương cho thấy xu hướng tác động cùng chiều với kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Các hệ số của biến này ở 2 mô hình cùng có mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%. Điều này có nghĩa, khi GDP của nước j tăng lên 1% thì kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam sẽ tăng bình quân lần lượt là 1,505% và 1,652%. Có thể nói, kết quả này khá phù hợp với thực tiễn bởi hoạt động xuất khẩu của Việt Nam những năm qua chủ yếu tập trung vào khai thác các lợi thế sẵn có trong nước. Vì vậy hoạt động nhập khẩu luôn hướng tới các mặt hàng nhằm phục vụ sản xuất trong nước. Chính điều này sẽ làm cho kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với những nước có quy mô nền kinh tế càng phát triển được tăng lên.

Biến độ mở nền kinh tế của nước j ($OPEN_{jt}$) có hệ số dương (với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%) cho thấy tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Điều này có nghĩa, nếu nước j có độ mở càng lớn thì hoạt động trao đổi hàng hóa với Việt Nam diễn ra càng thuận lợi.

Biến khoảng cách về địa lý (DIS_{ij}) có hệ số âm (là phù hợp cả về lý thuyết và thực tiễn trong nghiên cứu về thương mại giữa các quốc gia), tuy nhiên hệ số của biến này không có ý nghĩa thống kê cho thấy mức độ tác động chưa đủ mạnh đến kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong những năm qua.

Biến giả về chung đường biên giới giữa Việt Nam và nước j (BOR_{ij}) nhận hệ số dương ở mức ý nghĩa nhỏ hơn 1% cho thấy tác động tích cực của biến này đến kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Kết quả này là phù hợp ở cả phương diện lý thuyết và thực tiễn đối với hoạt động thương mại quốc tế. Bởi, các nước có chung đường biên giới tức là giáp nhau sẽ được ưu tiên nhiều hơn khi xuất khẩu và nhập khẩu nhằm tiết kiệm các khoản chi phí trong quá trình lưu thông hàng hóa.

Biến giả về giáp biển của nước j ($LANDLOCK_j$) có hệ số mang dấu âm cho thấy xu hướng tác động ngược chiều đến kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Những năm qua, hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và các nước ASEAN tuy có được vận chuyển bằng đường biển song vận chuyển đường bộ vẫn là chính. Do đặc thù riêng của các mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu nên việc nước j giáp biển và muốn thực hiện qua đường biển đã gây ảnh hưởng bất lợi đến

hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.

4. Kết luận

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, các nước ASEAN là thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa lớn của Việt Nam. Điều này được minh chứng qua kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tại các nước ASEAN không ngừng tăng lên. Tuy nhiên, tại thị trường này hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn khiêm tốn, chủ yếu tập trung vào các mặt hàng mà Việt Nam đang có lợi thế trong sản xuất và xuất khẩu. Nhiều nguyên liệu, thiết bị,... để phục vụ cho sản xuất trong nước chưa sản xuất được và phải nhập khẩu từ nước ngoài. Qua mô hình trọng lực đã chỉ ra kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN chịu sự tác động khá lớn bởi các yếu tố như GDP nước đối tác, độ mở nền kinh tế nước đối tác hay việc nước đối tác có chung đường biên giới với Việt Nam hay không. Trong tương lai, ASEAN vẫn sẽ là thị trường đầy tiềm năng không chỉ với hoạt động xuất khẩu mà cả cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Vì thế, nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN, Chính phủ Việt Nam cần tiếp tục theo đuổi chính sách mở cửa - hội nhập, liên tục nghiên cứu và tìm hiểu các quy định liên quan đến chính sách ngoại thương của các nước ASEAN để tận dụng tối đa những cơ hội mà AEC sẽ mang lại. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần quan tâm đến việc đầu tư phát triển khoa học công nghệ cho sản xuất, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước,... để tạo ra các sản phẩm chất lượng và tính cạnh tranh cao đem lại giá trị gia tăng lớn cho đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Anderson J. E. (1979), "A Theoretical for the Gravity Equation", *The American Economic Review* 69(1), pp. 106-116.
- [2] Bergstrand J. H. (1985), "The Gravity Equation in International Trade: Some Microeconomic Foundations and Empirical Evidence", *The Review of Economics and Statistics* 67(3), pp. 474-481.
- [3] Erdem and Nazlioglu (2008), *Gravity model of Turkish Agricultural Exports to the European Union*, International Trade and Finance Association, 2008.
- [4] Hatab, Assem Abu, Eirik Romstad, Xuexi Huo (2010) Determinants of Egyptian Agricultural Exports: A Gravity Model Approach, *Modern Economy* (1), pp. 134-143
- [5] Linnermann H. (1966), *An Econometric Study of International Trade Flows*, Amsterdam, North-Holland.
- [6] Tinbergen J. (1962), *Shaping the World Economy: Suggestions for an International Economy Policy*, New York: The Twentieth Century Fund.
- [7] ASEAN, website: <http://www.asean.org/resource/statistical-publications>, ngày truy cập 15/7/2016
- [8] World Bank, (2016a), World Bank Integrated Trade Solution (WITS), website: <http://wits.worldbank.org/WITS/>, ngày truy cập: 14/7/2016.
- [9] World Bank, (2016b), World Development Indicators, website: <http://data.worldbank.org/indicator>, ngày truy cập: 10/7/2016.